

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẢO LỘC
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2018/DS-ST

Ngày: 29-8-2018

V/v: Tranh chấp về quyền đòi
lại tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẢO LỘC, TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Nguyễn Thanh Trúc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Tư

2. Bà Nguyễn Thị Văn

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Anh Đào – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 41/2018/TLST-DS ngày 23 tháng 3 năm 2018 về tranh chấp quyền đòi lại tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2018/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 7 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2018/QĐST-DS ngày 09 tháng 8 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Trần Thị T**, sinh năm 1958. Nơi cư trú: Xóm 1, thôn 7, xã L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng; *có mặt.*

2. *Bị đơn:* Vợ chồng bà **Trần Thị K** và ông **Nguyễn Đức T**, sinh năm 1956. Cùng nơi cư trú: Xóm 4, thôn 12, xã Đ, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng; bà *K vắng mặt*, ông *T có mặt.*

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Ông **Phạm Mạnh C**, sinh năm 1956. Nơi cư trú: Xóm 1, thôn 7, xã L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
Bà Trần Thị T, sinh năm 1958. Nơi cư trú: Xóm 1, thôn 7, xã L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng. Là người đại diện theo ủy quyền của ông C (Văn bản ủy quyền ngày 26 tháng 3 năm 2018).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình xét xử cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Trần Thị T trình bày: Ngày 29/9/2014, bà và chồng là ông Phạm Mạnh C có cho vợ chồng bà Trần Thị K và ông Nguyễn Đức T vay 1.570 kg cà phê nhân khô, thời hạn trả là ngày 20/12/2014 âm lịch tức ngày 08/02/2015. Đến thời hạn trả mặc dù bà đã đòi nhiều lần nhưng bà K, ông T vẫn không trả. Do đó, bà khởi kiện đòi vợ chồng bà K, ông T trả lại cho vợ chồng bà 1.570 kg cà phê nhân khô này.

Tại bản tự khai ngày 30/5/2018 cũng như tại phiên tòa bị đơn ông Nguyễn Đức T trình bày: Ông thừa nhận ông và vợ là bà K có vay của vợ chồng bà T, ông C 1.570 kg cà phê nhân khô (số cà phê này được các bên thống nhất chuyển từ tiền vay sang chót thành vay cà phê nhân khô). Vợ chồng ông thỏa thuận với vợ chồng bà T đến ngày 20/12/2014 âm lịch tức ngày 08/02/2015 sẽ trả số cà phê nhân khô này nhưng đến nay vợ chồng ông vẫn chưa trả được ký cà phê nào. Nay bà T khởi kiện đòi lại 1.570 kg cà phê nhân khô thì ông đồng ý trả cho vợ chồng bà T, ông C.

Trong quá trình xét xử bị đơn bà Trần Thị K có đơn trình bày: trước đây bà T đã có đơn khởi kiện vợ chồng bà yêu cầu trả 1.570 kg cà phê nhân khô nhưng sau đó bà T đã rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện, Tòa án nhân dân thành phố Bảo Lộc đã ban hành Quyết định số 07/2017/QĐST-DS ngày 07/4/2017 đình chỉ vụ án theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Vì vậy bà không đồng ý với việc khởi kiện lại của bà T.

Trong quá trình xét xử cũng như tại phiên tòa, bà T là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Mạnh C trình bày: Ông C thống nhất lời trình bày của vợ là bà T và yêu cầu ông T, bà K trả cho vợ chồng ông 1.570 kg cà phê nhân khô theo giấy vay cà phê ngày 29/9/2014.

Bị đơn ông Nguyễn Đức T và bà Trần Thị K đã được Tòa án tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án và triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vẫn cố tình vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 207, khoản 2 Điều 208 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ mà không tiến hành hòa giải.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bảo Lộc phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho

đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc vợ chồng ông T bà K trả cho vợ chồng bà T ông C 1.570 kg cà phê nhân khô.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát; Tòa án nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, bị đơn bà Trần Thị K đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt và không thuộc trường hợp bất khả kháng, nên căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2]. Về quan hệ tranh chấp: bà Trần Thị T cho rằng vợ chồng ông T, bà K còn nợ cà phê nhân khô của vợ chồng bà từ ngày 08/02/2015, mặc dù bà đã đòi nhiều lần nhưng đến nay ông T, bà K vẫn không trả nên khởi kiện yêu cầu ông T, bà K kiện có cùng nơi cư trú tại thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng trả lại số cà phê nhân khô còn nợ, không yêu cầu lãi suất. Vì vậy xác định đây là “Tranh chấp về quyền đòi lại tài sản” theo khoản 2 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bảo Lộc theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Xét yêu cầu của nguyên đơn buộc vợ chồng bị đơn trả 1.570 kg cà phê nhân khô, Tòa án thấy rằng: Bà K cho rằng bà T trước đây đã có đơn khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà trả 1.570 kg cà phê nhân khô nhưng sau đó bà T đã rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện và Tòa án đã đình chỉ giải quyết vụ án theo điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên bà không đồng ý với việc khởi kiện lại của bà T. Khoản 1 Điều 7 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn quyền nộp đơn khởi kiện lại vụ án quy định tại khoản 3 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự: *“Người khởi kiện có quyền nộp đơn khởi kiện lại vụ án khi thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 192, điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và các trường hợp khác mà pháp luật có quy định”*. Do đó, bà T có quyền nộp đơn khởi kiện lại.

Bà K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ và tổng đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án với nội dung nguyên đơn khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà trả 1.570 kg cà phê nhân khô nhưng bà K không đến tòa tham gia tố tụng theo quy định và cũng không có ý kiến phản đối yêu cầu của nguyên đơn. Khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 quy định: *“Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải*

chứng minh”. Hơn nữa tại bản tự khai ngày 30/5/2018 cũng như tại phiên tòa ông T thừa nhận vợ chồng ông có nợ của vợ chồng bà T, ông C 1.570 kg cà phê nhân khô theo giấy vay cà phê ngày 29/9/2014 do vợ chồng ông cùng ký xác nhận. Như vậy, vợ chồng ông T, bà K có nợ 1.570 kg cà phê nhân khô của bà T, ông C là có thật. Do đó, áp dụng Điều 256 Bộ luật Dân sự năm 2005 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc vợ chồng ông T, bà K có trách nhiệm trả 1.570 kg cà phê nhân khô cho bà T, ông C.

[4]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có cơ sở và phù hợp quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[5]. Về án phí: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật là: $5\% \times 1.570 \text{ kg} \times 32.900 \text{ đồng/kg}$ (giá cà phê nhân khô của tỉnh Lâm Đồng tại thời điểm xét xử ngày 29/8/2018) = 2.583.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 256 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thị T. Buộc vợ chồng ông Nguyễn Đức T và bà Trần Thị K có trách nhiệm trả cho bà Trần Thị T và ông Phạm Mạnh C 1.570 (*Một ngàn năm trăm bảy mươi*) kg cà phê nhân khô.

2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Ông T, bà K phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 2.583.000 (*Hai triệu năm trăm tám mươi ba ngàn*) đồng. Bà T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.437.000 (*Một triệu bốn trăm ba mươi bảy ngàn*) đồng theo biên lai số AA/2016/0002203 ngày 23 tháng 3 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các

Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND TP. Bảo Lộc;
- Chi cục THADS TP. Bảo Lộc;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký và đóng dấu)
Huỳnh Nguyễn Thanh Trúc